

PHỤ LỤC IV

UBND TỈNH BẾN TRE
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Số: 182/KH-CTTL

MST: 1300100790

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 30 tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2019

- Nhiệm vụ quản lý khai thác các công trình thủy lợi trong năm 2019 với sự phối hợp đồng bộ cùng địa phương, các hệ thống công trình đảm bảo vận hành và điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý, thực hiện biện pháp vừa trữ ngọt kết hợp ngăn mặn, triển khai đồng bộ công tác đo mặn tại các công trình cống đầu mối.

- Trong mùa mặn đầu năm 2019 các công trình đảm bảo hạn chế thấp nhất thiệt hại do xâm nhập mặn, thực hiện công tác đo mặn tại các cống đầu mối và các vị trí đầu nguồn nước hàng ngày để có kế hoạch vận hành tưới tiêu phù hợp thực tế, tích cực thực hiện các giải pháp đồng bộ trong vận hành công trình nhằm hạn chế mặn xâm nhập nội đồng, thường xuyên kết hợp chặt chẽ các địa phương thăm đồng và vận hành công trình đã cung ứng cho các nhà máy nước sinh hoạt nông thôn và diện tích lúa vụ Đông Xuân 2018 - 2019 đến cuối vụ và thu hoạch đạt năng suất khá cao.

- Trong mùa mưa, lũ, triều cường các công trình đảm bảo vận hành tốt việc tưới, tiêu cho diện tích lúa vụ Hè Thu; Mùa, Thu Đông năm 2019 và các loại cây trồng khác, đảm bảo tiêu thoát nước nhanh và kịp thời vào những thời điểm mưa nhiều kết hợp triều cường, không để ngập úng xảy ra ảnh hưởng sản xuất.

- Tuy nhiên đến thời điểm cuối năm 2019 đầu năm 2020 tình hình hạn hán, xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, tăng cao đột biến, mặn xuất hiện sớm và lấn sâu vào trong nội đồng, ảnh hưởng đến sản xuất vụ Đông Xuân 2019 - 2020 và sinh hoạt của người dân.

- Hiện nay Công ty đã thực hiện các biện pháp ứng phó với tình hình độ mặn trên các sông chính đang tăng cao đột ngột, xâm nhập sâu năm 2020 cụ thể:

+ Phân công trực vào các ngày thứ 7, chủ nhật hàng tuần tại văn phòng công ty và các chi nhánh trực thuộc trong mùa khô năm 2020.

+ Thực hiện công tác đo mặn tại các cống đầu mối và các vị trí đầu nguồn nước tưới hàng ngày để điều chỉnh lịch vận hành tưới tiêu phù hợp thực tế, đặc biệt chú ý tại các hướng xâm nhập mặn chủ yếu.

+ Thường xuyên phối hợp cùng địa phương tổ chức thăm đồng ruộng, kiểm tra độ mặn, tìm biện pháp hạn chế mặn xâm nhập nội đồng và tiêu thoát nước ô nhiễm.

+ Vận hành đóng các cửa cống để ngăn mặn, trữ nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

+ Hỗ trợ các huyện Châu Thành, Mỏ Cày Nam, Chợ Lách 50 cửa cống để ngăn mặn, trữ ngọt trong mùa mặn 2020.

+ Thay mới dàn van và các cửa cống bị hư hỏng, lắp đặt các phai cống ngăn mặn, đắp các đập tạm ngăn mặn cục bộ.

+ Hoàn thành việc Lắp đặt 02 thuyền bơm tại cống Cái Sơn để khi có xuất hiện nước ngọt bơm bổ sung nguồn nước ngọt cho sông Ba Lai.

+ Hoàn thành việc đắp Đập tạm ngăn mặn trên kênh Sông Mã, Đập tạm ngăn mặn trên kênh Xáng, thành phố Bến Tre.

+ Nạo vét các tuyến kênh để dẫn nguồn nước ngọt từ sông Ba Lai về nhà máy nước Sơn Đông phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho người dân trong vùng.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính: Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là **120.789,45/118.513,32 ha**, đạt 102%.

Trong đó:

+ Lúa vụ Đông Xuân: 13.242,40 ha.

+ Lúa vụ Hè Thu: 14.274,97 ha.

+ Lúa vụ Mùa, Thu Đông: 21.399,85 ha.

+ Rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 5.521,02 ha.

+ Cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày: 56.467,71 ha.

+ Nuôi thủy sản: 8.887,52 ha.

+ Làm muối: 996 ha.

- Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: **74.922/71.542 tỷ đồng**, đạt 105%

- Lợi nhuận: không.

- Nộp ngân sách: không.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

- Đánh giá, dự báo, nhận định về tình hình, những yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp: Tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng, nguồn nước có xu hướng giảm vào mùa khô, ảnh hưởng hạn hán, tình hình xâm nhập mặn, hệ thống công trình thủy lợi đầu tư xây dựng chưa đồng bộ, chưa khép kín không chủ động được trong việc ngăn mặn, làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

- Mục tiêu, định hướng phát triển của năm 2020: Tiếp tục là một doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động vì mục tiêu công ích với nhiệm vụ quản lý khai thác, cải tạo, sửa chữa nâng cấp các hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính: Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là **85.300 ha**. Trong đó:

+ Lúa vụ Đông Xuân: (không sản xuất do nước mặn).

+ Lúa vụ Hè Thu: 13.700 ha.

+ Lúa vụ Mùa, Thu Đông: 20.900 ha.

+ Rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 4.700 ha.

+ Cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày: 38.500 ha.

+ Nuôi thủy sản: 7.500 ha.

- Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: **57,004 tỷ đồng**.

- Lợi nhuận: không.

- Nộp ngân sách: không.

2. Kế hoạch đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi

- Kế hoạch đầu tư sửa chữa công trình thủy lợi (dự kiến): **39,995 tỷ đồng**.

- Kết quả thực hiện đầu tư cả năm (dự kiến): *Đạt 100% kế hoạch*.

3. Các giải pháp thực hiện

- Giải pháp về tài chính

+ Đảm bảo quản lý và sử dụng tốt nguồn vốn, tài sản được Chủ sở hữu phân giao, công khai tài chính rõ ràng, minh bạch, giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp ... cho CBCNV.

+ Triển khai nguồn vốn đầu tư sửa chữa công trình thủy lợi từ nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đúng mục tiêu, đúng quy định quản lý dự án đầu tư xây dựng và luôn thực hành tiết kiệm.

+ Công tác tài chính kế toán tại đơn vị thực hiện đúng nguyên tắc, Luật doanh nghiệp nhà nước và pháp luật về kế toán, thống kê, thường xuyên tổ chức kiểm tra, thực hiện thanh toán các chi phí theo đúng quy định.

- Giải pháp về phục vụ sản xuất

+ Thực hiện đo độ mặn các công trình đầu mối, kiểm soát được độ mặn nội đồng, kết hợp tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Tăng khả năng trữ nước tưới, thoát nước nhanh phục vụ sản xuất nông nghiệp dân sinh trong toàn tỉnh; phòng chống lũ, ngập úng và xâm nhập mặn. Kết hợp phát triển giao thông thủy bộ nông thôn và vận chuyển hàng hóa cho nhân dân trong vùng.

+ Nạo vét thông thoáng hệ thống kênh mương tăng cường yêu cầu dẫn nước, tiêu thoát nhanh khi có mưa bão, các hệ thống cống đầu mối đáp ứng vận hành an toàn và đồng bộ, sửa chữa nâng cấp các công trình cống, các bờ bao cục bộ ngăn lũ, triều cường và xâm nhập mặn.

- Giải pháp về nguồn nhân lực

+ Tiếp tục đào tạo cho đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý khai thác.

+ Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý thủy nông nhằm nâng cao trình độ cho công nhân trực tiếp quản lý các hệ thống công trình cống, tăng cường hiệu quả quản lý và hoạt động quản lý khai thác.

+ Từng lúc tùy theo số lượng, quy mô các hệ thống công trình trong tỉnh Công ty tiếp nhận nhân viên hoặc công nhân quản lý công để quản lý và khai thác, Công ty sẽ có kế hoạch tuyển và bổ sung cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ thủy lợi, công nhân kỹ thuật chuyên ngành về cơ khí, điện tại các Trạm đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

Ứng dụng tiên bộ, khoa học công nghệ, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị quản lý phục vụ trong công tác quản lý khai thác như: Thực hiện cập nhật lưu trữ số liệu đo mặn, thủy văn, theo dõi quản lý công trình có hệ thống và khoa học để phục vụ công tác quản lý vận hành, cải tạo nâng cấp hệ thống tời quay vận hành đóng mở cống bằng thủ công sang vận hành bằng điện.

- Giải pháp về quản lý và điều hành

+ Tiếp tục tập trung công tác phục vụ sản xuất, quản lý và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi trong tỉnh nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế.

+ Xây dựng phương án quản lý các hệ thống công trình thủy lợi, đảm bảo việc vận hành đồng bộ cho các hệ thống công trình đầu mối phục vụ yêu cầu ngăn mặn, trữ ngọt, chủ động công tác điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý.

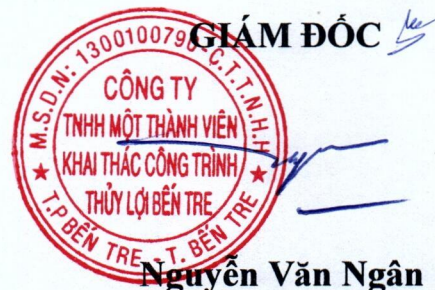
+ Tăng cường quản lý tốt mặt bằng các công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ công trình trên cơ sở thực thi Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, kiến nghị xử phạt trường hợp vi phạm, giải quyết dứt điểm các trường hợp lấn chiếm mặt bằng công trình còn tồn đọng trong các năm qua.

**BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU
SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu (<i>Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi</i>).	Ha	85.300
	<i>Lúa vụ Đông Xuân</i>	<i>ha</i>	<i>Không sản xuất</i>
	<i>Lúa vụ Hè Thu</i>	<i>ha</i>	<i>13.700</i>
	<i>Lúa vụ Mùa, Thu Đông</i>		<i>20.900</i>
	<i>Rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày</i>	<i>ha</i>	<i>4.700</i>
	<i>Cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày</i>	<i>ha</i>	<i>38.500</i>
	<i>Nuôi thủy sản</i>	<i>ha</i>	<i>7.500</i>
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	85.300
3	Doanh thu	Tỷ đồng	57,004
4	Lợi nhuận	Tỷ đồng	Không
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	Không
6	Tổng vốn đầu tư sửa chữa công trình thủy lợi	Tỷ đồng	39,995
7	Kim ngạch xuất khẩu (<i>nếu có</i>)	1.000 USD	Không
8	Các chỉ tiêu khác		Không

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- VP. UBND tỉnh Bến Tre;
- TT-TT Điện tử UBND tỉnh Bến Tre;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bến Tre;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Ngân